

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 07-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng.
Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 10, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-10-2020, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phú Q (nam), sinh ngày 09-8-2002 đã trưởng thành. Cháu Nguyễn Trường Th (nam), sinh ngày 03-3-2005 và Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 23-8-2008, hiện đang sống với chị N. Khi ly

hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 17-11-2020, thể hiện: Nguyên vọng của các cháu Nguyễn Trường Th và Nguyễn Ngọc Tr được tiếp tục sống chung với chị Nguyễn Hồng N.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001. Tuy chị N và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09-8-2002, hiện nay đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.2] Xét yêu cầu của chị Hồng N về việc tiếp tục nuôi dưỡng Trường Th và Ngọc Tr, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng các con chung và điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Hồng N, cần giao Trường Th và Ngọc Tr cho chị Hồng N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Chị Hồng N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N tự thỏa thuận với anh T về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Trường Th (nam), sinh ngày 03-3-2005 và Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 23-8-2008 cho chị Nguyễn Hồng N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 05 tháng 10 năm 2020, chị Nguyễn Hồng N đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0005216 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út